TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/3/2019

V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Nhi

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thiện

2. Bà Đỗ Thị lệ Hằng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 749/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về *"Tranh chấp ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Từ Phước H** sinh năm 1992 *(có mặt)*

Địa chỉ: Số 9/2/6 Sông H, đường T P, phường C K, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Trần Thị C T** sinh năm 1992 *(vắng mặt)*

Đăng ký thường trú: Số 9/2/6 Sông H, đường T P, phường C K, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên hệ: Số 250/44A đường T V, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2018 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Từ Phước H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông và bà Trần Thị C T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C K, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ ngày 11 tháng 12 năm 2015. Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc được thời gian dài, tuy nhiên thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi, không thể hàn gắn với nhau. Sau nhiều lần tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm nhằm duy trì cuộc hôn nhân nhưng không thể đạt được kết quả như mong muốn. Hiện tại ông xác định không còn tình cảm

với bà T nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị C T.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống ông và bà Trần Thị C T có 01 con chung là cháu Từ N H (nữ), sinh ngày 21/10/2015. Hiện nay con chung đang sống chung bà T. Khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Hoa cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông và bà T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* ***Phía bị đơn bà Trần Thị C T:*** Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và tống đạt thông báo tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 11/01/2019 và ngày 15/02/2019 nhưng bà T đều vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Từ Phước H và bà Trần Thị C T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C K, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh. Quá trình chung sống, ông H và bà T phát sinh mâu thuẫn và ông H có đơn khởi kiện nên xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp ly hôn",* tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

***2]Về thủ tục tố tụng*:**

Bị đơn bà Trần Thị C T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa ngày 07/3/2019 và ngày 26/3/2019 nhưng bà T đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3]Về nội dung:

- *Xét về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 11/12/2015, ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Ông bà vẫn cố gắng sống chung để mong tìm hiểu nguyên nhân bất đồng để cùng khắc phục nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng vẫn không thể hàn gắn tình cảm được. Không chịu được cảnh sống như vậy nên ông và bà T đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị C T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật định nhằm tạo điều kiện để các đương sự hoá giải những mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ nhưng bà T đều vắng mặt không lý do. Điều này chứng tỏ bà T không thật sự tha thiết với cuộc sống hôn nhân này. Hơn nữa, trên thực tế ông bà đã sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Từ đó, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông H đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã chấm dứt trên thực tế. Do đó, đời sống chung giữa ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho ông H cũng như bà T. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống ông và bà Trần Thị C T có 01 con chung tên Từ N H (nữ) sinh ngày 21/10/2015. Khi ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Từ N H đang sống với bà T, điều kiện phát triển về tinh thần và sức khỏe của cháu vẫn phát triển tốt. Cháu vẫn đảm bảo các điều kiện sinh hoạt, học tập đầy đủ cũng như việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì lợi ích của cháu. Vả lại cháu Hoa là nữ việc giao cháu Hoa cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét đây là sự tự định đoạt của đương sự, hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con (ông H) có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở ông H thực hiện quyền này.

Tuy nhiên, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

-*Về tài sản chung và nợ chung:* Ông H khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

-*Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Từ Phước H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

<u>*Tuyên xử*</u>: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Từ Phước H.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Từ Phước H được ly hôn với bà Trần Thị C T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Từ N H, (nữ) sinh ngày 21/10/2015 cho bà Trần Thị C T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Từ Phước H, không ai được quyền cản trở ông H thực hiện quyền này.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ghi nhận việc ông Từ Phước H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Từ N H đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung:* Nguyên đơn ông Từ Phước H phải chịu 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 007920 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí. Ông H phải nộp thêm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)* án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án *(đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết)* để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Uỷ ban nhân dân P.C K, quận Ninh Kiều;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều;
- Tòa án nhân dân TP.Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi